

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 – 5 – 2020  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Hồng Biên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Xuân Nữ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị S kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 06/10/2005. Hôn nhân giữa anh H và chị S được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó tìm hiểu và kết hôn.

Trong quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị S tự ý bỏ nhà đi, anh H có tìm kiếm và điện thoại nhưng không liên lạc được với chị S, thời gian gần đây thì anh đã liên lạc được nhưng chị S đã có mối quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2017 đến nay, khoảng thời gian không sống chung vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung và không hàn gắn tình cảm lại được nên anh Nguyễn Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

*Về con chung:* Anh H và chị S có hai con chung tên Nguyễn NY, sinh ngày 27/8/1996 và Nguyễn TY, sinh ngày 14/5/2000.

Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Anh H và chị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của anh H (Bản sao chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao chứng thực); Giấy khai sinh của con chung NY và TY (Bản sao chứng thực); Đơn xác nhận nơi cư trú của chị S (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị S là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị S cư trú tại Ấp BT, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT theo kết quả xác minh của Công an xã Bình Thành, huyện Thanh Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Nguyễn Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy, chị S đã được triệu tập lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị S.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

Xét thấy, anh H và chị S kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 8/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị S tự ý bỏ nhà đi, anh H có tìm kiếm và điện thoại nhưng không liên lạc với chị S được, thời gian gần đây thì anh H đã liên lạc được nhưng chị S đã có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 8/2017 đến nay.

Hơn nữa, hiện nay anh H và chị S không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì chị S còn tự ý bỏ nhà đi, không tôn trọng anh H, vợ chồng còn bất đồng quan điểm sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy vợ chồng đã được gia đình người thân hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa anh H và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Nay anh H nhận thấy không còn tình cảm với chị S, không thể tiếp tục sống chung và không hàn gắn tình cảm lại được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị S, chị S cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh H nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị S có hai con chung tên Nguyễn NY, sinh ngày 27/8/1996 và Nguyễn TY, sinh ngày 14/5/2000. Hiện nay, hai con chung đã trưởng thành, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định, anh H và chị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị S.

- *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H và chị S tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008221 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H. Thanh Bình;
- CC THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Văn Hồng Biên**